TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **54**/2024/HSST
Ngày: 21/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Duy Trí

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Lương Văn Hùng và ông Dương Minh Khương;

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thư ký Tòa án;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/5/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 46/2024/HSST ngày 26/4/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/HSST-QĐ ngày 09/5/2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Xuân H**, sinh năm: 1998; giới tính: Nam; HKTT và chỗ ở: Thôn H, xã L, huyện T, thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo, đảng phái: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lê Văn A, sinh năm: 1969, con bà Quách Thị H, sinh năm: 1974; có vợ Trịnh Trà M, sinh năm: 2001 và có 01 con sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/01/2024. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện T. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Bùi Thị P**, sinh năm: 1995, giới tính: Nữ; HKTT: Xóm M, xã C, huyện Kim Bôi, tỉnh H; chỗ ở: Khu tập thể Ngân hàng, phố Ga thị trấn T, huyện T, thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo, đảng phái: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Bùi Văn D (Đã chết), con bà Bùi Thị K, sinh năm: 1966, có chồng là Bùi Văn T, sinh năm: 1989 và có 02 con (lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2020)

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/01/2024. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thị P (*Người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn*) là bà Đỗ Thị Thào – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố H. (Có mặt).

- *Người liên quan:*

1. Ông Nguyễn Đức Q, sinh năm 1949; HKTT: Phố Ga, thị trấn T, huyện T, thành phố H (là chủ phòng trọ). (Vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Công D, sinh năm 1995; HKTT: Thôn 6, xã Q, huyện Q, tỉnh T. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu sử dụng ma tuý nên khoảng 05 giờ 40 phút ngày 20/01/2024, Lê Xuân H sử dụng số điện thoại 0966.206.695 gọi đến số 0326.033.771 của anh Thành ở Hưng Yên (không rõ địa chỉ, cụ thể) để hỏi mua 01 viên ma túy Kẹo và nửa chỉ ma túy Ke, Thành báo giá là 1.800.000 đồng tiền ma túy và 200.000 đồng tiền Ship, H đồng ý và bảo Thành giao ma tuý tại khu vực cống chui cao tốc đường dân sinh thuộc thôn H, xã L, huyện T, thành phố H. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, H sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook "*Lê Xuân H*" nhắn tin qua ứng dụng Mesenger đến tài khoản "*P Hiền*" của Bùi Thị P, sinh năm 1995, HKTT: Xóm M, xã C, huyện Kim Bôi, tỉnh H với nội dung "*Hít Ke không" (*ý H rủ P sử dụng ma túy Ketamine), P nhắn lại "*Có đâu mà chơi",* H nhắn *"Anh lên phòng chơi nhé, kem đây rồi"* (Ý H có ma túy rồi), P nhắn "*Không có loa, không có đèn*", H nhắn để anh mang loa đến, P đồng ý và gửi địa chỉ phòng trọ cho H. Sau đó, H mang theo 01 chiếc loa, 01 đèn laze rồi bắt taxi đi ra điểm hẹn để lấy ma tuý. Khi cách điểm hẹn khoảng 100m, H bảo taxi dừng lại H xuống đi bộ đến khu vực cống chui Cao tốc đường dân sinh thuộc thôn H, xã L, huyện T gặp Thành, H đưa 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), Thành cầm tiền rồi đưa lại cho H 01 túi nilon H biết là ma túy kẹo và ma túy Ketamine cần mua nên cầm ở tay rồi đi bộ ra xe taxi đi đến khu tập thể Ngân hàng, phố Ga, thị trấn T, huyện T, sau đó đi bộ vào phòng trọ của P. Tại phòng trọ, H, P mỗi người sử dụng 1/2 viên nén ma tuý kẹo, sau đó mở loa, bật đèn, P đổ một ít ma tuý ketamine ra đĩa, dùng thẻ nhựa cứng để xào và cuộn 01 chiếc ống hút từ tờ tiền 10.000 đồng xong H, P tiếp tục sử dụng ma túy. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 20/01/2024, Tổ công tác gồm Công an thị trấn T phối hợp với Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế, ma túy Công an huyện T tiến hành kiểm tra dãy nhà trọ tại khu tập thể Ngân hàng, phố Ga, thị trấn T, huyện T của ông Nguyễn Đức Q, sinh năm 1949, HKTT: Số nhà 300, Phố Ga, thị trấn T, huyện T, thành phố H. Tại phòng trọ số 2 Lê Xuân H, Bùi Thị P khai nhận vừa cùng nhau sử dụng ma túy. Sau đó, Lê Xuân H giao nộp 01 túi nilong diện (4x4) cm bên trong có chất tinh thể màu trắng, H khai đó là ma túy Ketamine mang đến phòng trọ để sử dụng cùng P nhưng chưa sử dụng hết,

Vật chứng thu giữ: 01 túi nilong diện (4x4) cm bên trong có chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M1); 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền 10.000 đồng có dính chất tinh thể màu trắng, 01 đĩa sứ tròn màu trắng đường kính khoảng 22cm, trên mặt đĩa có dính chất tinh thể màu trắng, 01 thẻ nhựa cứng màu xanh đều dính chất tinh thể màu trắng tổ công tác tiến hành niêm phong vào phong bì (ký hiệu M2, M3); 01 đèn laze có chữ "BM LASER-16"; 01 loa xách tay có chữ "harman/kardon"; 01 điện thoại Iphone 11 màu đỏ của H; 01 điện thoại Iphone 12 pro max màu xám của P; 01 hợp đồng thuê nhà giữa Bùi Thị P và ông Nguyễn Đức Q.

Ngày 20/01/2024, kết quả xét nghiệm nước tiểu của Lê Xuân H, Bùi Thị P xác định H, P đều dương tính với ma túy loại MDMA và Ketamine, Methamphetamine.

Ngày 20/01/2024, Cơ quan CSĐT - CAH T đã ra lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Lê Xuân H và Bùi Thị P không phát hiện và thu giữ gì.

Ngày 20/01/2024, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với tang vật thu giữ tại phòng trọ của Bùi Thị P nêu trên. Tại bản Kết luận giám định số 975/KL - KTHS ngày 27/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố H, kết luận:

- Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilong là ma túy loại Ketamine, khối lượng: 0,730 gam.

- 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng đường kính 22cm, 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền 10.000 đồng, 01 thẻ nhựa cứng màu xanh đều có dính ma túy loại Ketamine.

Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Lê Xuân H, Bùi Thị P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người chứng kiến; vật chứng thu giữ; kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 48/CT-VKSTT ngày 26/4/2024, của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo: Lê Xuân H, Bùi Thị P về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo: Lê Xuân H, Bùi Thị P phạm tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy";* và đề nghị:

*Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với Lê Xuân H và Bùi Thị P, đề nghị xử phạt:

- Lê Xuân H từ 27 đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 20/01/2024;

- Bùi Thị P từ 24 đến 27 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 20/01/2024;

*Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

*Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Đối với 01 túi nilong diện (4x4) cm bên trong có chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M1), 01 đĩa sứ tròn màu trắng đường kính khoảng 22cm, trên mặt đĩa có dính chất tinh thể màu trắng, 01 thẻ nhựa cứng màu xanh dính chất tinh thể màu trắng được niêm phong trong phong bì (ký hiệu M3). Các vật chứng trên là tang vật của vụ án, không có giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu để tiêu hủy; 01 tờ tiền 10.000 đồng có dính chất tinh thể màu trắng được niêm phong trong phong bì mầu trắng (ký hiệu M2) là tang vật của vụ án nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước; đối với 01 đèn laze có chữ "BM LASER-16"; 01 loa xách tay có chữ "harman/kardon" và 01 (một) điện thoại IPHONE 11 màu đỏ thu giữ của bị cáo Lê Xuân H; 01 (một) điện thoại IPHONE 12 PRO MAX màu xám thu giữ của bị cáo Bùi Thị P. Các vật chứng trên là công cụ, phương tiện H, P liên hệ và phục vụ cho việc tổ chức sử dụng trái phép ma túy, có giá trị sử dụng nên cần tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước.

Về án phí các bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Bùi Thị P không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều khoản đã truy tố đối với bị cáo P mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết như bị cáo là người dân tộc thiểu số ở nơi có điều kiện hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo chưa có tiền án tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị cho bị cáo được hưởng mức thấp nhất trong khung hình phạt cũng đủ để cải tại, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Các bị cáo không tranh luận gì, chỉ xin giảm nhẹ mức hình phạt theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng: Về hành vi tố tụng, Quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (Nhất là đối với người thuộc diện trợ giúp pháp lý). Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về hành vi của các bị cáo: Tại phiên các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của các bị cáo phù phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của người chứng kiến, người liên quan, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định:

Do có nhu cầu sử dụng ma tuý, khoảng 05 giờ 40 phút ngày 20/01/2024, Lê Xuân H gọi đến số 0326.033.771 của anh Thành ở Hưng Yên (không rõ địa chỉ, cụ thể) để hỏi mua 01 viên ma túy Kẹo và nửa chỉ ma túy Ke với giá 2.000.000 đồng (gồm cả tiền ship). Sau đó, H nhắn tin qua ứng dụng Mesenger đến tài khoản "*P Hiền*" của Bùi Thị P rủ cùng sử dụng ma túy, P đồng ý. Khoảng 6 giờ 30 phút ngày 20/01/2024, Lê Xuân H mang theo 01 chiếc loa, 01 đèn laze, 01 túi nilon bên trong chứa 01 viên nén ma túy kẹo và ma túy Ketamine đi đến phòng trọ của Bùi Thị P ở khu tập thể Ngân hàng thuộc phố Ga, thị trấn T, huyện T. Tại phòng trọ, H và P mỗi người sử dụng 1/2 viên ma túy kẹo và mở loa, bật đèn rồi P đổ một ít ma tuý ketamine ra đĩa, dùng thẻ nhựa cứng xào, sử dụng 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền 10.000 đồng H, P thay nhau sử dụng ma túy. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày thì bị tổ công tác gồm Công an thị trấn T phối hợp với Đội Cảnh sát điều tra kinh tế, ma túy Công an huyện T kiểm tra phát hiện thu giữ: 01 túi nilong chưa chất tinh thể màu trắng là ma túy loại Ketamine, khối lượng: 0,730 gam; 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền 10.000 đồng; 01 đĩa sứ tròn màu trắng đường kính khoảng 22cm, 01 thẻ nhựa cứng màu xanh đều dính chất tinh thể màu trắng là ma túy loại Ketamine; 01 đèn laze có chữ "BM LASER-16"; 01 loa xách tay có chữ "harman/kardon"; 01 điện thoại Iphone 11 màu đỏ của H; 01 điện thoại Iphone 12 pro max màu xám của P; 01 hợp đồng thuê nhà giữa Bùi Thị P và ông Nguyễn Đức Q.

Tại bản cáo trạng số: 48/CT-VKSTT ngày 26/4/2024, của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo Bùi Thị P và bị cáo Lê Xuân H về tội: "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*" theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội và gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Ma tuý nói chung là chất gây nghiện, chất hướng thần có tác hại rất lớn đối với con người và đời sống cộng đồng. Việc nghiện ma túy cũng là nguyên nhân phát sinh tội phạm, đặc biệt nghiêm trọng như cướp của, giết người (kể cả người thân), xuất hiện tình trạng "*ngáo đá*", quậy phá xã hội, làm gia tăng tệ nạn xã hội, băng hoại xã hội và các nguy cơ tình dục không an toàn. Xã hội phải chi phí nhiều tiền của để phòng chống, chữa trị, cai nghiện, bản thân các bị cáo là người hiểu rõ tác hại của ma túy nhưng lại trực tiếp mua ma túy, dùng phòng thuê trọ, chuẩn bị dụng cụ vào việc sử dụng trái phép chất ma túy để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác. Do vậy, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội. Đây là vụ án có đồng phạm (đồng phạm giản đơn). Do vậy, cần phân hoá vai trò, hành vi phạm tội và nhân thân của

các bị cáo để có cơ sở cá thể hoá mức hình phạt theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xét vai trò của Lê Xuân H là người khởi xướng rủ rê lôi kéo Bùi Thị P, chuẩn bị dụng cụ, trực tiếp mua ma túy, trực tiếp sử dụng ma túy và đưa cho P sử dụng nên vai trong vụ án được xác định bị cáo là vai trò chính; đối với Bùi Thị P thì sau khi được H rủ rê sử dụng trái phép chất ma túy thì đã đồng ý sử dụng phòng trọ thuê của mình, báo H chuẩn bị công cụ (đèn, loa) và trực tiếp xào ma túy để cùng H sử dụng nên vai trò của P là giúp sức, sau H. Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết như: Các bị cáo Lê Xuân H, Bùi Thị P quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự *(bị cáo P là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo H là người tham gia quân ngũ, hoàn thành và xuất ngũ về địa phương năm 2019*) nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng. Do các bị cáo lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự (tù có thời hạn) cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian phù hợp tương ứng với vai trò, hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

*Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt một khoản tiền để sung công quỹ nhà nước theo khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, các bị cáo đều là lao động tự do không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ 01 túi nilong diện (4x4) cm bên trong có chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M1); 01 đĩa sứ tròn màu trắng đường kính khoảng 22cm, trên mặt đĩa có dính chất tinh thể màu trắng, 01 thẻ nhựa cứng màu xanh đều dính chất tinh thể màu trắng được niêm phong vào phong bì (ký hiệu M3). Xét thấy, các vật chứng trên đều là tang vật của vụ án, cấm sử dụng và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy. Riêng 01 Tờ tiền 10.000 đồng có dính chất tinh thể màu trắng được niêm phong trong phong bì mầu trắng (ký hiệu M2) cần tịch thu sung công quỹ nhà nước; Đối với 01 đèn laze có chữ "BM LASER-16"; 01 loa xách tay có chữ "harman/kardon"; 01 (một) điện thoại IPHONE 11 màu đỏ thu giữ của bị cáo Lê Xuân H và 01 (một) điện thoại IPHONE 12 PRO MAX màu xám thu giữ của bị cáo Bùi Thị P. Xét thấy, đây là công cụ, phương tiện H, P liên hệ phục vụ cho việc tổ chức sử dụng trái phép ma túy, có giá trị sử dụng nên cần tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước.

Về nguồn gốc ma túy bị thu giữ và đối tượng bán cho Lê Xuân H ngày 20/01/2024: H khai mua của người đàn ông tên là Thành ở Hưng Yên (không biết rõ địa chỉ cụ thể) tại khu vực Cống chui dân sinh thôn H, xã L, huyện T, thành phố H. Ngoài lời khai của H không có tài liệu nào chứng minh, nên không có cơ sở điều tra xử lý.

Đối với số điện thoại 0326.033.771, tại công văn số 2020/ CNVTQĐ-TTKT ngày 04/3/2024, Tập đoàn Công nghiệp - viễn thông Quân đội, trả lời: *Đăng ký thông tin chủ sở hữu là anh Nguyễn Công D (SN: 1995, HKTT: Thôn 6, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá*). Quá trình điều tra anh Dũng khai nhận chưa bao giờ sử dụng số 0326.033.771, không biết ai sử dụng thông tin của Dũng để đăng ký thông tin số điện thoại này, không quen biết ai tên là Lê Xuân H và không liên lạc gì với H nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Nguyễn Công D là có căn cứ.

Đối với ông Nguyễn Đức Q *(SN: 1949, HKTT: Phố Ga, thị trấn T, huyện T, thành phố H*) là chủ phòng trọ. Khi ông Quê cho Bùi Thị P thuê trọ có hợp đồng cho thuê lâu dài, không phải cơ sở cho thuê lưu trú, trách nhiệm quản lý tài sản và phòng trọ là của Bùi Thị P. Mặt khác, khi H, P sử dụng ma túy ông Quê không biết nên Cơ quan điều tra - Công an huyện T không đề cập xử lý đối với ông Quê là có căn cứ.

Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố các bị cáo **Lê Xuân H** và bị cáo **Bùi Thị P** phạm vào tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*".

Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Lê Xuân H 28** (Hai tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam **20/01/2024;**

Xử phạt: **Bùi Thị P 24** (Hai tư) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam **20/01/2024.**

*Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu để tiêu hủy: 01 túi nilong diện (4x4) cm bên trong có chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M1); 01 đĩa sứ tròn màu trắng đường kính khoảng 22cm, trên mặt đĩa có dính chất tinh thể màu trắng, 01 thẻ nhựa cứng màu xanh đều dính chất tinh thể màu trắng được niêm phong vào phong bì (ký hiệu M3).

Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 Tờ tiền 10.000 đồng có dính chất tinh thể màu trắng được niêm phong trong phong bì mầu trắng (ký hiệu M2);

Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước: 01 đèn laze có chữ "BM LASER-16"; 01 loa xách tay có chữ "harman/kardon"; 01 (một) điện thoại IPHONE 11 màu đỏ thu giữ của bị cáo Lê Xuân H; 01 (một) điện thoại IPHONE 12 PRO MAX màu xám thu giữ của bị cáo Bùi Thị P.

(Các vật chứng trên có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/5/2024 giữa Công an huyện T và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, thành phố H).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Buộc bị cáo Lê Xuân H và bị cáo Bùi Thị P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Các bị cáo Lê Xuân H và bị cáo Bùi Thị P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND thành phố H;*
- *VKSND huyện T; VKS ND TP. Hà Nội;*
- *Sở tư pháp thành phố H;*
- *Chi cục THADS huyện T;*
- *Công an huyện T;*
- *Bị cáo;*
- *Lưu: Hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Duy Trí